Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Cổng thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TỀ LỖ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đất 2 bên đường QL2 thuộc địa phận xã Đồng Văn (cũ)			18.500	9.300	3.700	11.100	5.600	1.400	7.400	3.700	1.200				
2	Đất 2 bên đường QL2 đoạn tránh thành phố Vĩnh Yên thuộc địa phận xã Đồng Văn cũ			21.400	10.700	4.300	12.800	6.400	2.600	8.600	4.300	1.700				
3	Đất 2 bên đường Quốc lộ 2C (mới) Thuộc địa phận xã Đồng Văn (cũ)			21.400	10.700	4.300	12.800	6.400	2.600	8.600	4.300	1.700	Thửa 76, tờ số 4: Thửa 672, tờ 24: Thửa 582, tờ 36		Thửa 570, tờ 24: Thửa 136, tờ 32: Thửa 200, tờ 40	
4	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Đồng Văn (cũ)			5.300	2.700	2.000	3.200	1.600	1.400	2.100	1.100	700	Toàn xã		Toàn xã	
5	Khu đất dịch vụ, đấu giá tại xứ đồng Cây Da làng Yên Lạc (trừ các lô tiếp giáp với đường có tên) xã Đồng Văn (cũ)			9.000	3.600		5.400			3.600						
6	Khu đất dịch vụ, đấu giá QSDĐ đất xứ đồng Cái Ngang thôn Đồng Lạc (trừ các lô tiếp giáp với đường có tên) xã Đồng Văn (cũ)			9.000	3.600		5.400			3.600						
7	Đất 2 bên đường Quốc Lộ 2C (cũ) thuộc xã Tề Lỗ (cũ) và Đồng Văn (Cũ)			21.400	10.700	4.300	12.800	6.400	2.600	8.600	4.300	1.700				
8	Đất 2 bên đường tỉnh lộ 303 từ cầu Lác thôn Giã Bàng đi xã Yên Lạc	Thuộc địa phận xã Tề Lỗ (cũ)		18.500	9.300	3.700	11.100	5.600	1.400	7.400	3.700	1.000	34	3	187	7
		Thuộc xã Trung Nguyên (cũ)		12.800	6.400	2.600	7.700	3.800	1.600	5.100	2.600	1.000	19	38	335	38
9	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Tề Lỗ (cũ)			6.400	3.200	1.300	3.800	1.900	1.000	2.600	1.300	800				
10	Đất 2 bên từ Đồng Cương đi làng nghề Tề Lỗ	Thuộc địa phận xã Tề Lỗ (cũ)		10.700	5.400	2.100	6.400	3.200	1.300	4.300	2.200	800	565	6	355	4
		Thuộc xã Trung Nguyên (cũ)		7.500	3.800	1.500	4.500	2.300	900	3.000	1.500	600	846	11	550	11
11	Đất 2 bên đường nhánh Quốc Lộ 2C (mới) thuộc địa phận xã Trung Nguyên (cũ)			9.600	4.800	1.900	5.800	2.900	1.100	3.800	1.900	800				
12	Đất 2 bên đường tỉnh lộ 305 thuộc xã Trung Nguyên (cũ)			8.500	4.300	1.700	5.100	2.600	1.000	3.400	1.700	700				
13	Đất 2 bên đường Yên Lạc-Vĩnh Yên thuộc xã Tề Lỗ			12.800	6.400	4.500	7.700	3.800	2.700	5.100	2.600	1.800				
14	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Trung Nguyên (cũ)			3.200	1.600	1.400	1.900	1.000	800	1.300	600	600	Toàn xã		Toàn xã	
15	Khu đấu giá hạ tầng Trung Nguyên	Khu đấu giá hạ tầng Trung Nguyên - Băng 1		11.800			7.100			4.700						
		Khu đấu giá hạ tầng Trung Nguyên - Băng 2		5.300			3.200			2.100						
16	Khu đất dịch vụ, đấu giá QSD đất tại xứ đồng Mái Sau thôn Trung Nguyên	Khu đất dịch vụ, đấu giá QSD đất tại xứ đồng Mái Sau thôn Trung Nguyên - Băng 1		8.900			5.300			3.600			545	5	687	21
		Khu đất dịch vụ, đấu giá QSD đất tại xứ đồng Mái Sau thôn Trung Nguyên - Băng 2		3.600			2.200			1.400						
17	Khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Tân Nguyên			3.200			1.900			1.300			444	2	455	2
18	Khu đất dịch vụ, giãn dân, tái định cư, đấu giá QSD đất tại xứ đồng Mai Sau thôn Trung nguyên (Cạnh ngã tư Chân Chim)			8.900			5.300			3.600						
19	Đoạn từ đường QL 2C đi Yên Lạc - Vĩnh Yên (Má Lọ)			9.000			5.400			3.600						
20	Đất 2 bên đường Quốc lộ 2C cũ	Từ giáp nhà ông Hùng (thôn Yên Lạc)	Đến giáp địa phận xã Hội Thịnh	18.500	9.300	3.700	11.100	5.600	1.400	7.400	3.700	1.500				
		Từ giáp nhà ông Hùng (thôn Yên Lạc)	Cầu Lác (thôn Giã Bàng, xã Tề Lỗ cũ)	21.400	10.700	4.300	12.800	6.400	2.600	8.600	4.300	1.700				
21	Khu đất đấu giá xứ đồng Gò Họ, thôn Đông Lỗ 1, xã Trung Nguyên (cũ)			10.000	8.000		7.000	5.000		5.500	3.800					